



越南台灣商會聯合總會 投資經營委員會



法規指南 BM-250403 Điểm tin Pháp luật 2025-04-24

標題 2025 年 4 月的新法律政策
Tiêu đề CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

編撰 律師 裴氏明秋
Người soạn Luật sư Bùi Thị Minh Thu

涉及範圍 法律政策、生效日期、土地轉讓、勞動分類、電子簽章、數位證書、國
Phạm vi 有企業、教師任務、行政區劃、電子發票、法院改革、檢察院改革、可
liên quan 持續經營、處罰修訂、政府決議、支持資金
chính sách pháp luật, ngày hiệu lực, chuyển nhượng đất, phân loại lao động, chữ ký điện tử, chứng thư số, doanh nghiệp nhà nước, nhiệm vụ giáo viên, đơn vị hành chính, hóa đơn điện tử, cải cách tòa án, cải cách viện kiểm sát, kinh doanh bền vững, sửa đổi xử phạt, nghị quyết chính phủ, kinh phí hỗ trợ

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

以下將重點介紹 2025 年 4 月的新法律政策。

Bài viết dưới đây sẽ cung cấp các tin tức nổi bật về những chính sách pháp luật mới trong tháng 4 năm 2025.

1. 2025 年頒佈法律檔自 2025 年 4 月 1 日起生效

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 có hiệu lực từ ngày 01/4/2025.

2025 年頒佈法律檔於 2025 年 2 月 19 日由國會通過，並將於 2025 年 4 月 1 日起生效，其中包括許多突出的新內容，例如：取消縣級機關頒佈法律檔的許可權；以政策諮詢等形式補充意見收集；.....

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 được Quốc hội thông qua ngày 19/02/2025 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/4/2025, trong đó có nhiều điểm mới nổi bật như: Bỏ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền cấp xã; bổ sung hình thức lấy ý kiến là tham vấn chính sách;...

2. 自 2025 年 4 月 1 日起，示範農用地轉讓為商品房專案

Đất nông nghiệp được thí điểm chuyển nhượng làm dự án nhà ở thương mại từ 01/4/2025

具體，第 171/2024/QH15 號決議第 3 條第 3 款規定，示範房地產經營機構如符合土地使用/建設/城市規劃、住房發展計畫和方案的條件或屬於預計實施示範項目的地塊名單等，以及根據土地、住房、房地產經營、投資等法律規定的其他條件，可以獲得土地使用權轉讓並將土地用途改為農業用地，以實施示範項目。

Cụ thể, tại Khoản 3 Điều 3 Nghị Quyết 171/2024/QH15, quy định thí điểm Tổ chức kinh doanh bất động sản được nhận chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất nông nghiệp để thực hiện dự án thí điểm nếu đáp ứng điều kiện về quy hoạch sử dụng đất/xây dựng/đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở hoặc thuộc danh mục các khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm....và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đầu tư.

第 171/2024/QH15 號決議自 2025 年 4 月 1 日起生效，有效期 5 年。

Nghị quyết 171/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/4/2025 và được thực hiện trong 05 năm.

3. 基於工作條件的勞動分類標準自 2025 年 4 月 1 日起生效

Tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động có hiệu lực từ 01/4/2025

具體，第 03/2025/TT-BLĐTBXH 號通函規定 06 種工作條件，包括：

Cụ thể, tại Thông tư 03/2025/TT-BLĐTBXH, quy định 06 loại điều kiện lao động, bao gồm:

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

(1) I 類 / Loại I.

(2) II 類 / Loại II

(3) III 類 / Loại III

(4) IV 類 / Loại IV

(6) V 類 / Loại V

(7) VI 類 / Loại VI

其中/ Trong đó:

- 有條件職業、工作分為 I、II、III 類的職業、工作是指不繁重、無毒或無危險的職業、工作。

Nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại I, II, III là nghề, công việc không nặng nhọc, không độc hại, không nguy hiểm.

- 有條件的職業、工作被歸類為 IV 類是繁重、毒害、危險的職業、工作。

Nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại IV là nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- 有條件的職業、工作被歸類為 V 類和 VI 類的職業、工作為特別繁重、毒害、危險職業、工作。

Nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại V, VI là nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- 工作條件按三種方式進行評估和分類：1) 按流程履行的評估和評分方法；2) 統計和實證方法；3) 組合法。

Điều kiện lao động được đánh giá, xếp loại theo 03 phương pháp: 1) Phương pháp đánh giá, tính điểm thực hiện theo quy trình; 2) Phương pháp thống kê, kinh nghiệm; 3) Phương pháp kết hợp.

第 03/2025/TT-BLĐTBXH 號通知 自 2025 年 4 月 1 日起生效。

Thông tư 03/2025/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 01/4/2025.

4. 稅務局指引解決 2024 年土地法實施過程中遇到的困難

Cục Thuế hướng dẫn giải quyết vướng mắc khi thực hiện Luật Đất đai 2024

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

2025 年 4 月 8 日，稅務局發佈第 493/CT-CS 號公文關於解決 2024 年土地法實施過程中遇到的困難，涉及以下幾個問題：(1) 關於解決土地租金減免文件；(2) 有關計算並頒佈未計算土地使用費、土地租金期間土地使用者應當繳納的附加費用的通知；(3) 關於土地租賃價格調整。

Ngày 08/4/2025, Cục Thuế ban hành Công văn 493/CT-CS về việc giải quyết vướng mắc khi thực hiện Luật đất đai 2024 liên quan đến nhiều vấn đề như: (1) Về việc giải quyết hồ sơ miễn tiền thuê đất; (2) Về việc tính và ban hành thông báo thu khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; (3) Về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất.

5. 自 2025 年 4 月 10 日起電子簽章憑證的分類

Phân loại chứng thư chữ ký điện tử từ ngày 10/4/2025

具體，在 2025 年 2 月 21 日頒佈第 23/2025 號議定，規範電子簽名和可信服務，電子簽章憑證分類如下：

Cụ thể, tại Nghị Định số 23/2025 quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy ngày 21/02/2025, chứng thư chữ ký điện tử được phân loại như sau:

國家電子認證服務商的原始數位簽章證書。

Chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.

受信任服務提供者的數位簽章證書。

Chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy.

公共數位簽章證書。

Chứng thư chữ ký số công cộng.

專門的電子簽章憑證（由創建專門的電子簽名的機構或組織頒發）。

Chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng (do cơ quan, tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng cấp).

第 23/2025/NĐ -CP 號議定自 2025 年 4 月 10 日起生效。

Nghị định 23/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/4/2025.

6. 數位簽章證書驗證系統維護費用新規

Quy định mới về phí duy trì hệ thống kiểm tra chứng thư chữ ký số

- 具體，第 13/2025/TT-BTC 號通知中財政部規定維護數位簽章證書狀態檢查系統的服務費用如下：

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

Cụ thể, tại Thông tư số 13/2025/TT-BTC, Bộ Tài chính đã quy định về mức thu phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số như sau:

- Đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, phí dịch vụ được quy định là 3.000 đồng/tháng/01 chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho tổ chức, doanh nghiệp. Thời gian tính phí bắt đầu từ tháng chứng thư chữ ký số có hiệu lực đến tháng trước tháng chứng thư hết hạn hoặc bị tạm dừng, thu hồi. Trong trường hợp chứng thư có hiệu lực và hết hạn hoặc bị thu hồi trong cùng một tháng, phí vẫn được tính trọn một tháng.

Đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, phí dịch vụ được quy định là 3.000 đồng/tháng/01 chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho tổ chức, doanh nghiệp. Thời gian tính phí bắt đầu từ tháng chứng thư chữ ký số có hiệu lực đến tháng trước tháng chứng thư hết hạn hoặc bị tạm dừng, thu hồi. Trong trường hợp chứng thư có hiệu lực và hết hạn hoặc bị thu hồi trong cùng một tháng, phí vẫn được tính trọn một tháng.

- Đối với thời gian戳記和資料消息認證服務，費用為 4,200,000 越南盾/月/一個向可信任提供商頒發的數位簽章證書。費用計算週期從數位簽章證書生效月份開始至證書到期或被暫停、撤銷月份的前一個月四捨五入。

Đối với dịch vụ cấp dấu thời gian và chứng thực thông điệp dữ liệu, mức thu phí là 4.200.000 đồng/tháng/01 chứng thư chữ ký số cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy. Thời gian tính phí được làm tròn từ tháng chứng thư chữ ký số có hiệu lực đến tháng trước tháng chứng thư hết hạn hoặc bị tạm dừng, thu hồi.

第 13/2025/TT-BTC 號通函自 2025 年 4 月 10 日起生效。

Thông tư số 13/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 10/4/2025.

7. 廢止 11 議定有關國有企業勞動管理、工資獎金的法規

Bãi bỏ 11 Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong Doanh nghiệp nhà nước

政府頒佈關於國有企業勞動管理、工資、報酬和獎金的第 44/2025/NĐ-CP 號議定，廢除了 11 項有關勞動管理、工資和獎金的議定，其中包括：

Chính phủ ban hành Nghị định 44/2025/NĐ-CP quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, trong đó bãi bỏ 11 Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng gồm:

- (1) 第 51/2016/NĐ-CP 號議定，規定國家持有 100%註冊資本的單一成員責任有限公司員工的勞動管理、工資和獎金；

Nghị định 51/2016/NĐ-CP quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

- (2) 第 52/2016/NĐ-CP 號議定，規定國家持有 100%註冊資本的單一成員責任有限公司管理人員的工資、報酬和獎金；
Nghị định 52/2016/NĐ-CP quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- (3) 第 53/2016/NĐ-CP 號議定，規定國有控股和資本出資公司的勞動、工資、報酬和獎金；
Nghị định 53/2016/NĐ-CP quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- (4) 第 21/2024/NĐ-CP 號議定，該議定修訂第 51/2016/NĐ-CP 號議定，該議定規定國家持有 100%註冊資本的一人責任有限公司勞動者的勞動管理、工資和獎金，以及第 52/2016/NĐ-CP 號議定，該議定規定國家持有 100%註冊資本的一人責任有限公司管理人員的工資、報酬和獎金；
Nghị định 21/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 51/2016/NĐ-CP quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định 52/2016/NĐ-CP quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- (5) 第 20/2020/NĐ-CP 號議定，關於試行經濟集團、國有企業勞動、工資、獎金管理；
Nghị định 20/2020/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- (6) 第 87/2021/NĐ-CP 號議定，關於延長實施期限及修改、補充第 20/2020/NĐ-CP 號議定，關於試行經濟集團、國有企業勞動、工資獎金管理的條款；
Nghị định 87/2021/NĐ-CP về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định 20/2020/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- (7) 第 64/2023/NĐ-CP 號議定補充第 87/2021/NĐ-CP 號議定關於延長實施期限和修改及補充第 20/2020/NĐ-CP 號議定關於示範經濟集團或國有企業勞動、工資和獎金管理的規定；
Nghị định 64/2023/NĐ-CP bổ sung Nghị định 87/2021/NĐ-CP về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung Nghị định 20/2020/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- (8) 第 121/2016/NĐ-CP 號議定，關於 2016 年至 2020 年期間軍事電信集團勞動工資管理示範工作；

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

Nghị định 121/2016/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020;

- (9) 第 74/2020/NĐ-CP 號議定，修訂第 121/2016/NĐ-CP 號議定，關於 2016 年至 2020 年期間軍事電信集團勞動和薪酬管理示範；

Nghị định 74/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 121/2016/NĐ-CP thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020;

- (10) 關於延長實施期限和修改第 121/2016/NĐ-CP 號議定的第 82/2021/NĐ-CP 號議定，該議定已被第 74/2020/NĐ-CP 號議定關於在軍事工業-電信集團試行勞動和薪酬管理的規定所修改；

Nghị định 82/2021/NĐ-CP về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi Nghị định 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 74/2020/NĐ-CP về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;

- (11) 第 79/2024/NĐ-CP 號議定修訂第 121/2016/NĐ-CP 號議定，該議定已由第 74/2020/NĐ-CP 號議定和第 82/2021/NĐ-CP 號議定修訂，關於在軍事工業 - 電信集團試行勞動和薪酬管理。

Nghị định 79/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 74/2020/NĐ-CP và Nghị định 82/2021/NĐ-CP về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

第 44/2025/NĐ-CP 號議定自 2025 年 4 月 15 日起生效

Nghị định 44/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/4/2025.

8. 2022-2025 年可持續企業扶持資金管理新規

Quy định mới về quản lý kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025

據此，財政部第 09/2025/TT-BTC 號通知指導 2022-2025 年期間支持私營企業可持續經營計畫的國家預算資金的管理和使用。

Theo đó, Thông tư 09/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025.

通知規定發展可持續商業生態系統的支出，包括檔開發、將企業與信貸機構和投資者聯繫起來、分享經驗、提高認識以及建立顧問網路以支援中小企業。

Thông tư quy định các khoản chi nhằm phát triển hệ sinh thái kinh doanh bền vững, bao gồm xây dựng tài liệu, kết nối doanh nghiệp với tổ chức tín dụng và nhà đầu tư, chia sẻ kinh nghiệm, bồi dưỡng nhận thức, xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

通函 09/2025/TT-BTC 自 2025 年 4 月 20 日起生效。

Thông tư 09/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 20/4/2025.

9. 每位教師一學年不得擔任超過 兩項任務。

Mỗi giáo viên không được kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ trong một năm học

具體，2025 年 3 月 3 日發佈的關於教師工作制度的第 05/2025/TT-BGDDT 號通知規定，每位教師在一個學年內不得同時擔任超過兩項任務。此為了限制教師的負擔，同時幫助教師有足夠的時間很好地完成他們的主要任務。

Cụ thể, Thông tư 05/2025/TT-BGDDT ngày 03/3/2025 về chế độ làm việc của giáo viên có quy định mỗi giáo viên sẽ không được kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ trong một năm học. Việc này nhằm hạn chế tình trạng quá tải cho giáo viên, đồng thời giúp giáo viên có đủ thời gian để thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của mình.

此外，該通知還規定，教師工作時間按學年執行，折算為教學時數，包括 01 學年的教學時數和按教學時數定額計算的 01 周平均教學時數。校長、副校長的工作時間必須為 40 小時/周，包括教學時間。

Ngoài ra, Thông tư này cũng quy định thời gian làm việc của giáo viên thực hiện theo năm học và được quy đổi thành tiết dạy, bao gồm số tiết dạy trong 01 năm học và số tiết dạy trung bình trong 01 tuần theo định mức tiết dạy. Còn thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thì phải bảo đảm 40 giờ/tuần, bao gồm cả số tiết giảng dạy.

通函 05/2025/TT-BGDDT 自 2025 年 4 月 22 日起生效。

Thông tư 05/2025/TT-BGDDT có hiệu lực từ ngày 22/4/2025.

10. 統一合併後剩下 28 個省和 6 個直轄市

Thống nhất còn 28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương sau sáp nhập

根據蘇林總書記 2025 年 4 月 12 日在越共十三屆十一次中央委員會第十一次會議上的閉幕詞內容，中央高度同意以下政策：

Theo nội dung Phát biểu bế mạc của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng 11 khoá XIII ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất cao các chủ trương sau:

- 地方政府組織分為兩級：省級（省、市直轄市）、社級（社、坊、省直轄特區、市）；
Về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: cấp Tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố);

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

- 省級行政單位數量合併後為 34 個省市 (28 個省和 06 個直轄市)，其名稱和行政政治中心按意見書和專案中提出的原則確定；
Số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 06 thành phố trực thuộc Trung ương) với tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị xác định theo các nguyên tắc nêu tại các Tờ trình và Đề án;
- 在國會決定修改、補充 2013 年憲法和 2025 年地方政府組織法 (修訂版) 的若干條款後，結束縣級行政單位的運作；
Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện sau khi Quốc hội quyết nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (sửa đổi);
- 合併社級行政單位確保國家將現有社級行政單位數量減少約 60-70%。
Sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60-70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã hiện nay.

11. 自 2025 年 6 月 1 日起，年營業收入 10 億越南盾及以上的家庭和個人必須使用電子發票

Từ 01/6/2025, hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ/năm trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử

近日，政府頒佈第 70/2025/NĐ-CP 號議定，對第 123/2020/NĐ-CP 號議定進行了修訂，其中對個體戶發票做出許多新的規定，此規定將於 2025 年 6 月 1 日起實施。

Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP với nhiều quy định mới về hóa đơn đối với hộ kinh doanh sẽ được áp dụng từ 01/6/2025.

因此，年收入達到或超過 10 億越南盾的個體戶和個人必須使用連接的收銀機生成的電子發票，將電子資料傳輸給稅務機關。

Theo đó, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 1 tỷ đồng trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

第 70/2025/NĐ-CP 號議定自 2025 年 6 月 1 日起生效。

Nghị định 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/6/2025.

12. 統一撤除高級法院、縣級法院和高級檢察院、縣級檢察院

Thống nhất bỏ Tòa án cấp cao, cấp huyện và Viện Kiểm sát cấp cao, cấp huyện

2025 年 4 月 12 日，蘇林總書記簽署並頒發了越共十三屆十一中全會 2025 年第 60-NQ/TW 號決議，其中包含 12 項重要內容。

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

Ngày 12/04/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII với 12 nội dung quan trọng.

其中，2025 年第 60-NQ/TW 號決議第 5 項，黨中央執行委員會統一撤除高級、縣級法院及高級、縣級檢察院。人民法院、人民檢察院組織系統包括三級：

Trong đó, tại Mục 5 Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất bỏ Tòa án cấp cao, cấp huyện và Viện Kiểm sát cấp cao, cấp huyện. Hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân có 3 cấp gồm:

- 最高人民法院和人民檢察院。
Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
- 省級人民法院和人民檢察院。
Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.
- 地方人民法院和人民檢察院。
Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân cấp khu vực.

13. 建議將罰款增加 10 倍，無需做記錄

Đề xuất tăng 10 lần mức tiền phạt không cần lập biên bản

司法部在行政違法行為處理法（修正案）草案中提出提高不予立案的罰款最高限額。具體：

Tại dự thảo luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã đề xuất tăng mức phạt tiền tối đa được áp dụng hình thức xử phạt không cần lập biên bản. Cụ thể:

根據 2022 年行政違法行為處理法的現行規定，在警告或罰款的情況下，不作記錄的處罰將適用，罰款金額最高為 250,000 越南盾（個人），500,000 越南盾（組織）。有權實施處罰者必須當場作出行政處罰決定。對利用技術、專業手段和設備發現的行政違法行為，應當作出記錄。

Theo quy định hiện hành tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2022, xử phạt không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng (với cá nhân), 500.000 đồng (với tổ chức). Người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Riêng trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

在修訂法律草案中，司法部提出，對未經記錄的行為，在警告或罰款的情況下適用處罰，最高罰款額為 250 萬越南盾（個人），500 萬越南盾（組織）。對於使用技術、專業手段和設備發現的行政違法行為，草案仍要求予以記錄。

Tại dự thảo luật sửa đổi, Bộ Tư pháp đề xuất theo hướng xử phạt không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi có mức tối đa của khung tiền đến

2025 年 4 月的新法律政策

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI THÁNG 4/2025

2,5 triệu đồng (với cá nhân), 5 triệu đồng (với tổ chức). Riêng trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ, dự thảo vẫn duy trì phải lập biên bản.

因此，與現行規定相比，司法部的建議將無記錄的行政違法行為的最高罰款額提高 10 倍。

Như vậy, so với quy định đang có hiệu lực, đề xuất của Bộ Tư pháp đã tăng 10 lần mức phạt tiền tối đa được áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



越南台灣商會聯合總會

投資經營委員會 孔祥平主委

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

www.everwin-group.com